

4. HUYỆN NAM SÁCH

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Khu vực, tuyến đường	Bảng giá đất ở 2020-2024 (nghìn đồng)		Hệ số điều chỉnh giá đất ở năm 2024		Giá đất ở năm 2024 (nghìn đồng)	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2
	THỊ TRẤN NAM SÁCH						
	Đường, phố loại I						
	Nhóm A						
1	Nguyễn Đức Sáu (đoạn từ cầu Mạc Thị Bưởi đến xã Nam Hồng)	20.000	10.000	2,24	2,0	44.800	20.000
2	Trần Phú (đoạn từ cầu Mạc Thị Bưởi đến đường Đỗ Chu Bi)	20.000	10.000	2,24	2,0	44.800	20.000
3	Trần Phú (đoạn từ đường Đỗ Chu Bi đến quốc lộ 37)	20.000	10.000	2,24	2,0	44.800	20.000
4	Trần Hưng Đạo (đoạn từ Quốc lộ 37 đến ngã 4 giao với đường Trần Phú)	20.000	10.000	2,24	2,0	44.800	20.000
5	Đường đôi trục chính của Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách (đoạn từ điểm giao cắt đường Nguyễn Đăng Lành (TL390) đi xã Nam Hồng đến điểm giao cắt đường Nguyễn Đức Sáu)	20.000	10.000	1,7	1,0	34.000	10.000
	Nhóm B						
1	Hùng Vương (Quốc lộ 37 đoạn trong phạm vi thị trấn)	12.000	6.000	2,5	2,0	30.000	12.000
2	Nguyễn Trung Goòng (Từ cầu Mạc Thị Bưởi đến giáp chợ thị trấn)	12.000	6.000	2,5	2,0	30.000	12.000
3	Đường tỉnh 390 đoạn trong thị trấn (đoạn từ Bảo hiểm xã hội huyện đến xã Nam Trung)	12.000	6.000	2,5	2,0	30.000	12.000

TT	Khu vực, tuyến đường	Bảng giá đất ở 2020-2024 (nghìn đồng)		Hệ số điều chỉnh giá đất ở năm 2024		Giá đất ở năm 2024 (nghìn đồng)	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2
4	Đường đối diện Quảng trường (hướng Nam) thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,6	30.000	9.600
5	Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (UBND thị trấn cũ) đến lô đất CX06 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,6	30.000	9.600
6	Đường giao cắt đường Nguyễn Đăng Lành (TL390) đến xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,5	30.000	9.000
7	Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (BHXH cũ) đến lô đất giáo dục thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,25	30.000	7.500
8	Đường đối diện hồ bán nguyệt (02 bên) thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,25	30.000	7.500
9	Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (Trạm thú y cũ) đến lô đất CX3 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,25	30.000	7.500
10	Đường từ điểm giao cắt với đường Trần Phú (cạnh Trung tâm y tế huyện) đến lô đất P02 giáp xã Nam Hồng thuộc Khu dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	12.000	6.000	2,5	1,1	30.000	6.600
	Nhóm C						
1	Đặng Tính	8.000	4.000	2,74	2,5	21.920	10.000
2	Nguyễn Đăng Lành	8.000	4.000	2,74	2,5	21.920	10.000
3	Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Trần Phú đến Cầu Giao)	8.000	4.000	2,44	2,2	19.520	8.800

TT	Khu vực, tuyến đường	Bảng giá đất ở 2020-2024 (nghìn đồng)		Hệ số điều chỉnh giá đất ở năm 2024		Giá đất ở năm 2024 (nghìn đồng)	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2
4	Trần Phú (từ cầu Mạc Thị Bưởi đến đường vào Nhân Hưng)	8.000	4.000	2,44	2,2	19.520	8.800
5	Nguyễn Trãi (đoạn từ Hiệu sách nhân dân đến cổng chợ Hóp)	8.000	4.000	2,44	2,2	19.520	8.800
6	Đường trong khu dân cư Trần Hưng Đạo	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
7	Mạc Đĩnh Chi	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
8	Mạc Thị Bưởi	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
9	Nguyễn Trãi (đoạn từ Cầu Giao đến Quốc lộ 37)	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
10	Yết Kiêu	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
11	Chu Văn An	8.000	4.000	2,74	2,5	21.920	10.000
12	Đường nối tiếp đường Chu Văn An thuộc khu nhà ở quân nhân của Ban chỉ huy quân sự huyện đến Khu dân cư Đống Mắm, xã Nam Hồng	8.000	4.000	2,74	2,5	21.920	10.000
13	Trần Hưng Đạo (đoạn còn lại)	8.000	4.000	2,24	2,0	17.920	8.000
14	Các đường còn lại thuộc dân cư mới phía Tây thị trấn Nam Sách	8.000	4.000	2,08	1,1	16.640	4.400
	Đường, phố loại II						
	Nhóm A						
1	Đường thuộc khu dân cư mới (phía trong đường Nguyễn Đăng Lành)	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500
2	Nguyễn Trung Goòng (Đoạn còn lại)	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500

TT	Khu vực, tuyến đường	Bảng giá đất ở 2020-2024 (nghìn đồng)		Hệ số điều chỉnh giá đất ở năm 2024		Giá đất ở năm 2024 (nghìn đồng)	
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 1	Vị trí 2
3	Thanh Lâm (Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến Mạc Đĩnh Chi)	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500
4	Các đường còn lại thuộc Khu nhà ở quân nhân của Ban chỉ huy quân sự huyện Nam Sách	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500
5	Đường trong Khu dân cư mới đường Mạc Đĩnh Chi (đoạn nối từ Mạc Đĩnh Chi đến đường Nguyễn Trãi)	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500
6	Trần Phú (đoạn còn lại đi An Thượng)	6.000	3.000	2,74	2,5	16.440	7.500
	Nhóm B						
1	Đỗ Chu Bì	4.000	2.000	2,74	2,5	10.960	5.000
2	Thanh Lâm (Đoạn còn lại)	4.000	2.000	2,74	2,5	10.960	5.000
	Nhóm C						
1	Các đường còn lại trong phạm vi thị trấn	2.500	1.400	3,24	3,0	8.100	4.200

Ghi chú: Vị trí 3 và vị trí 4 có hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1.